

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-9-2019
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dưỡng
Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm T H**, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: tổ 6, ấp 1, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: 64/5, khu phố 5, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn V N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 6, ấp 1, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm T H trình bày:

Tôi và anh N quen biết nhau vào năm 2005 khi tôi đi làm ở Bình Dương; hai người phát sinh tình cảm và tìm hiểu nhau trong thời gian 01 năm, đến ngày 20/4/2006 chúng tôi tự nguyện đi đến kết hôn tại UBND xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01 ngày 20/4/2006).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã S, huyện Định Quán. Từ khi kết hôn thực sự không được hạnh phúc, nhất là từ khi tôi mang thai anh N ham chơi, cờ

bạc và thường đánh tôi; sau khi tôi sinh con thì do con còn quá nhỏ nên tôi tiếp tục chung sống với anh N dù cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 08/2015 anh N đánh tôi một trận làm cho vợ chồng tôi mâu thuẫn trầm trọng, kể từ đó tôi và anh N đã sống ly thân cho đến nay.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với anh N, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Tôi và anh N có 01 con chung là Nguyễn Q T – sinh ngày 10/7/2007. Hiện nay anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Ly hôn tôi đồng ý giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn V N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm T H

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm T H được ly hôn với ông Nguyễn V N.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Q T cho ông Nguyễn V N trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm T H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn V N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm T H và ông Nguyễn V N tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã S, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01 ngày 20/4/2006. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Phạm T H và ông Nguyễn V N là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà H trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn thực sự không được hạnh phúc, ông N thường có hành vi bạo lực gia đình; do con còn quá nhỏ nên bà tiếp tục chung sống với ông N dù cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 08/2015 ông N đánh bà làm cho vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, kể từ đó bà và ông N đã sống ly thân cho đến nay.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (tổ 6, ấp 1, xã S, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà H và ông N, kết quả như sau: tình trạng hôn nhân của bà H và ông N là trầm trọng, ông N có hành vi bạo lực gia đình; hai người đã sống ly thân từ năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn V N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông N không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà H nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông N không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm T H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn V N.

[3.2] Về con chung:

Bà H và ông N có 01 con chung là Nguyễn Q T – sinh ngày 10/7/2007. Theo bà H trình bày và kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thì hiện nay con chung đang do ông N đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có thu nhập ổn định. Ly hôn bà H tự nguyện giao con chung cho ông N nuôi dưỡng và đề nghị không cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Q T cũng có nguyện vọng được sống với ông N.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét theo yêu cầu của bà H, kết quả xác minh tại địa phương, nguyện vọng của cháu T, cũng như việc ông N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông N không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Do chưa có lời khai của ông Nguyễn V N nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm T H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm T H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm T H được ly hôn với ông Nguyễn V N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Q T – sinh ngày 10/7/2007 cho ông Nguyễn V N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà Phạm T H không phải cấp dưỡng nuôi con; bà H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm T H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp, theo Biên lai thu số 0002275 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà H phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã S, H.Định Quán;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

